

Số:371/BC-STP

Kon Tum, ngày 08 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2023

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ theo quy định⁽¹⁾, Sở Tư pháp báo cáo kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác thanh tra:

Thực hiện Văn bản số 697/TTr-NV2 ngày 22 tháng 10 năm 2022 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023; Văn bản số 806/TTr-NV2 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Thanh tra tỉnh về việc sắp xếp kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023, Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 194/QĐ-STP ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt Kế hoạch công tác thanh tra năm 2023.

Trên cơ sở đó, Giám đốc Sở Tư pháp ban hành Quyết định 26/QĐ-STP ngày 21 tháng 3 năm 2023 thanh tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực và phòng, chống tham nhũng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kon Tum; Quyết định số 65/QĐ-STP ngày 08 tháng 6 năm 2023 thanh tra chuyên ngành trong công tác hộ tịch, chứng thực tại UBND huyện Tu Mơ Rông và Phòng Tư pháp huyện Tu Mơ Rông. Kết thúc các cuộc thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra đã báo cáo kết quả thanh tra⁽²⁾ và tham mưu Giám đốc Sở ban hành các Kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật⁽³⁾.

2. Công tác tiếp dân; xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Công tác tiếp dân:

¹ Thông tư số 02/2021/TT-TTCT ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát huy ưu điểm, khắc phục yếu kém, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 712/TTr-P4 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thanh tra tỉnh về việc tiếp tục triển khai Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 91-KH/TU ngày 09 tháng 05 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 4331/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (gọi tắt là *Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ*).

² Báo cáo số 12/BC-ĐTT ngày 17/4/2023; Báo cáo số 34/BC-ĐTT ngày 27/6/2023.

³ Kết luận thanh tra số 02/KL-STP ngày 15/5/2023; Kết luận thanh tra số 03/KL-STP ngày 18/7/2023.

- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013, Sở Tư pháp ban hành Thông báo lịch tiếp công dân định kỳ của Lãnh đạo Sở năm 2023⁽⁴⁾ và triển khai thực hiện nghiêm túc.

- Số lượt tiếp công dân trong 9 tháng đầu năm 2023: 0 lượt.

b) Xử lý đơn, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Trong 9 tháng đầu năm 2023, Sở Tư pháp đã tiếp nhận và xử lý 12 đơn thư của công dân và Sở đã có văn bản trả lời để công dân được biết⁽⁵⁾.

- Ban hành Văn bản về việc chuyển đơn có dấu hiệu tội phạm sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum⁽⁶⁾.

3. Công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN):

- Thực hiện Kế hoạch số 4416/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về khắc phục các hạn chế, khuyết điểm và tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra số 1595/KL-TTCTP ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Thanh tra Chính phủ, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-STP ngày 16 tháng 01 năm 2023 về khắc phục các vi phạm, khuyết điểm, tồn tại đã được nêu tại Kết luận số 1595/KL-TTCTP của Thanh tra Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 6819/VPCP-V.I ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện Kế hoạch số 263/KH-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai công tác PCTN, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc trên địa bàn tỉnh năm 2023, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-STP ngày 08 tháng 3 năm 2023 về triển khai công tác PCTN, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc năm 2023.

- Sở Tư pháp ban hành Văn bản số 173/STP-TTr ngày 9 tháng 5 năm 2023 về việc cung cấp bổ sung số liệu phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2023 gửi Thanh tra tỉnh.

⁴ Thông báo số 103/TB-STP ngày 26 tháng 12 năm 2022.

⁵ Văn bản số 2042/STP-TTr ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc trả lời Đơn khiếu nại của công dân Nguyễn Thị Ngát và Văn bản số 2098/STP-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc trả lời Đơn kiến nghị của công dân Nguyễn Thị Ngát; Văn bản số 2129/STP-TTr ngày 30 tháng 12 năm 2022 trả lời Đơn yêu cầu của công dân – Ông Bùi Ngọc Linh và bà Lê Thị Bình; Văn bản số 10/STP-TTr ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc trả lời Đơn xin cứu xét của bà Võ Thị Quyên; Văn bản số 94/STP-TTr ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc trả lời Đơn tố cáo của công dân; Văn bản số 107/STP-TTr ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc trả lời Đơn khiếu nại của công dân Bùi Thị Kim Ngân; Văn bản số 114/STP-TTr ngày 19 tháng 01 năm 2023 về việc trả lời Đơn khiếu nại của công dân ông Đào Hùng Sơn; Văn bản số 284/STP-TTr ngày 01 tháng 3 năm 2023 trả lời về việc trả lời Đơn tố cáo của công dân; Văn bản số 312/STP-TTr ngày 03 tháng 3 năm 2023 trả lời về việc Đơn yêu cầu bảo vệ thông tin của Công ty TNHH Ngọc Thiên Phú Kon Tum; Văn bản số 1483/STP-TTr ngày 25 tháng 08 năm 2023 về việc trả lời Đơn trình báo của Võ Thị Thu Lan.

⁶ Văn bản số 106/STP-TTr ngày 18 tháng 01 năm 2023.

- Thường xuyên chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định; xử lý nghiêm đối với các trường hợp không thực hiện, chậm thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định việc minh bạch tài sản, thu nhập (*nếu có*). Bên cạnh đó, thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định của pháp luật đối với việc mua sắm công; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý tài chính, ngân sách; công bố công khai các thủ tục hành chính, các loại biểu mẫu, quy trình giải quyết, thời gian giải quyết và mức thu các loại phí, lệ phí.... Việc thực hiện công khai, minh bạch được thực hiện bằng nhiều hình thức như: niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan; công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở;...

4. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL)

a) Công tác tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện: Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2023 về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 nhằm chỉ đạo, định hướng cho các ngành, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung các Luật, Pháp lệnh, văn bản mới ban hành, văn bản liên quan chặt chẽ đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương cũng như các cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của Nhân dân, trong đó chú trọng các nội dung liên quan đến phòng, chống tham nhũng. Định kỳ hàng quý, Lãnh đạo Sở ban hành các văn bản hướng dẫn PBGDPL nói chung bằng các hình thức, nội dung cụ thể phù hợp với từng đối tượng, trong đó có các nội dung về phòng, chống tham nhũng⁷ như: Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP...

b) Kết quả đạt được: Biên soạn, phát hành 10.000 tờ gấp phổ biến pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong phòng, chống tham nhũng gửi các ngành, địa phương nghiên cứu, tìm hiểu. Tổ chức 01 Hội nghị phổ biến kiến thức pháp luật tại huyện Ia H'Drai với sự tham gia của 42 đại biểu là cán bộ, Nhân dân trên địa bàn, trong đó tập trung chú trọng phổ biến, giới thiệu những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai, những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định... liên quan đến phòng, chống tham nhũng trong thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đăng tải các tin, bài viết về phòng, chống tham nhũng trong biên soạn, phát hành 04 số Thông tin phổ biến pháp luật (4.400 cuốn), 03 số Tập san Tư pháp (2.100 cuốn) theo định kỳ.

⁷ Các Văn bản: số 89/STP-XDKTr&PBPL ngày 13/01/2023 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý I/2023; số 544/STP-XDKTr&PBPL ngày 06/4/2023 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý II/2023; số 1164/STP-XDKTr&PBPL ngày 07/7/2023 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý III năm 2023.

Ngoài ra, thường xuyên đăng tải nội dung các văn bản pháp luật mới, các văn bản liên quan đến phòng, chống tham nhũng trên Trang Thông tin điện tử của Sở và Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh nhằm góp phần nâng cao kiến thức, sự hiểu biết của mọi người về pháp luật phòng, chống tham nhũng.

5. Công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 4434/KH-UBND ngày 30/12/2022 triển khai công tác pháp chế; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Tự kiểm tra: Tiến hành tự kiểm tra 27 Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Qua tự kiểm tra chưa phát hiện văn bản trái pháp luật.

- Kiểm tra theo thẩm quyền: Đã tiến hành kiểm tra 25 văn bản do HĐND-UBND cấp huyện ban hành; qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản trái pháp luật.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo rà soát, kiểm tra các văn bản liên quan đến các chuyên đề của Bộ Tư pháp: các văn bản liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng (chuyên đề 1); các văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (chuyên đề 2)⁽⁸⁾.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo kết quả tự kiểm tra VBQPPL; văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành dưới hình thức VBQPPL do HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành⁽⁹⁾.

- Báo cáo rà soát, kiểm tra các văn bản liên quan đến khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 80/2023/NQ-QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện một số chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19 và sử dụng giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc hết thời hạn hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024⁽¹⁰⁾.

- Trình UBND tỉnh Báo cáo kết quả xử lý văn bản liên quan đến đặt, đổi tên đường, phố trên địa bàn tỉnh⁽¹¹⁾.

- Trình UBND tỉnh báo cáo kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính trái thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁽¹²⁾.

- Báo cáo kết quả tự kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành⁽¹³⁾.

⁸ Tờ trình số 01/TT-STP ngày 04/01/2023 của Sở Tư pháp; Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh.

⁹ Công văn số 733/STP-XDKTr&PBPL ngày 08/5/2023; Tờ trình số 67/TTr-STP ngày 23/5/2023 của Sở Tư pháp.

¹⁰ Công văn số 853/STP-XDKTr&PBPL ngày 23/5/2023; Báo cáo số 215/BC-STP ngày 31/5/2023 của Sở Tư pháp.

¹¹ Tờ trình số 68/TTr-STP ngày 29/5/2023;

¹² Tờ trình số 124/TTr-STP ngày 24/8/2023;

6. Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL:

- Thường xuyên thực hiện việc rà soát các văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 về hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Tổng hợp, kiểm tra kết quả rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh Kon Tum ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2022⁽¹⁴⁾. Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố tại Quyết định số 39/QĐ-CTUBND ngày 30 tháng 01 năm 2023 về công bố Danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh Kon Tum ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2022⁽¹⁵⁾.

- Văn bản về việc ý kiến đối với kết quả rà soát, xác định VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực trong năm 2022⁽¹⁶⁾.

- Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Quyết định số 25/2022/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh⁽¹⁷⁾.

- Tổ chức rà soát, kiểm tra các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trong các lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, giao thông vận tải, lao động - thương binh và xã hội...; qua rà soát đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ 41 Quyết định, 04 Chỉ thị⁽¹⁸⁾.

- Trình UBND tỉnh báo cáo kết quả rà soát các văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành⁽¹⁹⁾.

- Trình UBND tỉnh văn bản về việc rà soát, lập danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành đang còn hiệu lực thi hành theo yêu cầu tại Công văn số 970/BTP-KTrVB ngày 20/3/2023 Bộ Tư pháp⁽²⁰⁾.

- Rà soát, hoàn thiện các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương về quản lý, sử dụng tài sản công⁽²¹⁾.

- Rà soát, kiểm tra các văn bản liên quan đến chuyên đề về các chương

¹³ Công văn số 1003/STP-XDKTr&PBPL ngày 15/6/2023; Báo cáo số 330/BC-STP ngày 11/8/2023.

¹⁴ Tờ trình số 06/TTr-STP ngày 06/01/2023;

¹⁵ Trong đó: 39 văn bản hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2022, 13 văn bản hết hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của các kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố, 08 văn bản hết hiệu lực một phần trong năm 2022, 01 văn bản hết hiệu lực một phần thuộc đối tượng của các kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố

¹⁶ Công văn số 73/STP-XDKTr&PBPL ngày 12/01/2023;

¹⁷ Báo cáo số 20/BC-STP ngày 14/01/2023 của Sở Tư pháp;

¹⁸ Quyết định số 19/2023/ ngày 24 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành

¹⁹ Công văn số 599/STP-XDKTr&PBPL ngày 13/4/2023 ; Tờ trình số 48/TTr-STP ngày 18/4/2023.

²⁰ Công văn số 526/STP-XDKTr&PBPL ngày 04/4/2023 ; Tờ trình số 49/TTr-STP ngày 24/4/2023.

²¹ Công văn số 718/STP-XDKTr&PBPL ngày 04/5/2023

trình mục tiêu quốc gia²².

- Trình UBND tỉnh ban hành văn bản về việc tăng cường công tác rà soát văn bản²³.

- Trình UBND tỉnh Báo cáo rà soát văn bản, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật, văn bản dưới luật²⁴.

- Trình UBND tỉnh báo cáo rà soát các quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, các vấn đề vướng mắc trong các luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản dưới luật thuộc các lĩnh vực trọng tâm rà soát theo yêu cầu của Nghị quyết số 101/2023/QH15²⁵.

- Tổ chức 02 Hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2023 cho các đối tượng là cán bộ, công chức phụ trách công tác pháp chế, công tác rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa VBQPPL của các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ đội Biên phòng tỉnh; Cục thuế tỉnh; công chức phụ trách, theo dõi công tác VBQPPL của Văn phòng Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Phòng Tư pháp các huyện, thành phố; Công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

7. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 91-KH/TU, ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh về phát huy ưu điểm, khắc phục yếu kém, hạn chế trong công tác PCTN trên địa bàn tỉnh cho toàn thể công chức, viên chức và người lao động (CCVC và NLĐ) trong cơ quan nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Lãnh đạo Sở và Thủ trưởng các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở thực hiện tốt các quy định về bảo vệ người tố cáo; qua đó, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác PCTN, nhất là công tác phát hiện, xử lý tham nhũng. Bên cạnh đó, thường xuyên đề cao trách nhiệm, đạo đức công vụ, ý thức kỷ luật của công chức trực tiếp tham mưu giải quyết các thủ tục hành chính; thực hiện công tác tiếp công dân và xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Sở Tư pháp.

²² Công văn số 1083/STP-XDKTr&PBPL ngày 28/6/2023; Tờ trình số 95/TTr-STP ngày 05/7/2023.

²³ Tờ trình số 112/TTr-STP ngày 07/8/2023.

²⁴ Công văn số 1310/STP-XDKTr&PBPL ngày 31/7/2023; Tờ trình số 116/TTr-STP ngày 15/8/2023.

²⁵ Tờ trình số 123/TTr-STP ngày 23/8/2023.

8. Việc triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ

a) Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công điện số 724/CĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và các biện pháp chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1571/UBND-NCXDPL ngày 24 tháng 6 năm 2019, Sở Tư pháp đã phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về PCTN; Luật PCTN năm 2018; các chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về PCTN nhằm tăng góp phần ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Triển khai Kế hoạch số 4331/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 42/KH-STP ngày 23 tháng 11 tháng 2020 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, hàng năm, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch PCTN²⁶ để triển khai thực hiện trong cơ quan; trong đó, chú trọng các biện pháp ngừa, ngăn chặn các hành vi tham nhũng, tiêu cực có thể xảy ra; thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử; xây dựng quy chế làm việc rõ ràng, minh bạch, cụ thể và giám sát đối với CCVC và NLĐ khi thực thi nhiệm vụ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc,...

Sở Tư pháp thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của CCVC và NLĐ thuộc Sở Tư pháp⁽²⁷⁾.

b) *Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:* Lãnh đạo Sở, Thủ trưởng các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực thi nhiệm vụ của CCVC và NLĐ thuộc quyền quản lý; đặc biệt, là việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, quy trình nghiệp vụ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới; góp phần tạo chuyên môn mạnh mẽ, rõ rệt và nâng cao hiệu quả công tác PCTN, nhất là công tác phát hiện, xử lý tham nhũng.

c) *Việc rà soát nhận diện nguy cơ tham nhũng theo vị trí việc làm, kết quả rà soát; giải pháp phòng, ngừa tham nhũng sau khi rà soát; nêu đơn vị, vị trí có nguy cơ tham nhũng; giải pháp phòng ngừa:*

²⁶ Kế hoạch số 10/KH-STP ngày 15 tháng 02 năm 2022; Kế hoạch số 28/KH-STP ngày 8 tháng 03 năm 2023.

²⁷ Quyết định số 56/QĐ-STP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Sở Tư pháp

- Sở Tư pháp thường xuyên rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế; các vị trí có nguy cơ tham nhũng như: bộ phận tổ chức cán bộ, tài chính, tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính luôn thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao, không có trường hợp xảy ra tham nhũng hay có các hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, tiêu cực.

- Ngày 24 tháng 8 năm 2023, Sở Tư pháp ban hành Tờ trình số 125/TTr-STP gửi Sở Nội vụ đề nghị thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, biên chế công chức, người lao động thuộc Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum.

d) Công tác cải cách hành chính: Sở Tư pháp thường xuyên đổi mới, tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý và điều hành. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử VNPT - Ioffice trong quá trình xử lý công việc nội bộ. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và năng suất công việc, giảm chi phí hành chính.

đ) Việc tổ chức đường dây nóng và hộp thư điện tử: Để phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan, qua đó, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, Sở Tư pháp đã thiết lập Đường dây nóng và Hộp thư điện tử⁽²⁸⁾; đồng thời, công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở (*tại địa chỉ: <http://sotuphap.kontum.gov.vn>*) để tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người dân, doanh nghiệp về hành vi vi phạm pháp luật của CCVC và NLD để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, đã ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin qua Đường dây nóng tại Sở Tư pháp⁽²⁹⁾ theo đúng quy định.

e) Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý:

- Hiện nay, Trang Thông tin điện tử của Sở⁽³⁰⁾ đảm bảo đáp ứng việc đưa thông tin chung về hoạt động của Ngành, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Sở, phục vụ tra cứu văn bản, thông tin của cán bộ, công chức và nhân dân. Việc xử lý văn bản trên Phần mềm Quản lý văn bản VNPT - Ioffice được chú trọng, đảm bảo hiệu quả trong xử lý văn bản. Bên cạnh đó, Sở Tư pháp được Bộ Tư pháp trang bị Phần mềm Thông tin Lý lịch tư pháp, hiện nay, phần mềm này được sử dụng ổn định, hiệu quả trong quá trình xử lý hồ sơ lý lịch tư pháp, đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin và cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân.

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở (*tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh*) được trang bị Phần mềm một cửa điện tử, đảm bảo việc

²⁸ Số điện thoại đường dây nóng: 02603.862.479. Địa chỉ hộp thư điện tử: sotuphap-kontum@chinhphu.vn

²⁹ Quyết định số 166/QĐ-STP ngày 30/12/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp.

³⁰ Tên miền: sotuphap.kontum.gov.vn

tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức, công dân được công khai, minh bạch, chính xác, đáp ứng nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, công dân. Bộ phận này được trang bị công nghệ giám sát hiện đại như ghi âm, ghi hình, giám sát trực tuyến toàn bộ các hoạt động của công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở. Ngoài ra, Sở Tư pháp thường xuyên lắng ý kiến của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc của cơ quan thông qua Hòm thư góp ý đặt tại cơ quan và trên phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh.

f). Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ; xây dựng cơ chế giám sát, phát hiện vi phạm: Sở Tư pháp thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong thực thi công vụ của các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở và của CCVC và NLD trong cơ quan nhằm góp phần ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp (nếu có).

9. Việc triển khai thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng: Sở Tư pháp tiếp tục triển khai có hiệu quả Văn bản số 2703/UBND-NC ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Kết luận số 05-KL/TW, ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng⁽³¹⁾.

10. Công tác khác: Tiếp tục duy trì và sử dụng có hiệu quả Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 03 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Triển khai thực hiện Kế hoạch công tác thanh tra năm 2023 đã được phê duyệt. Thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong các lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác PCTN, tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật. Trong đó, chú trọng triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kết luận số 05-KL/TW ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2022 về triển khai công tác PCTN, tiêu cực và tình trạng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc năm 2023.

³¹ Văn bản số 1105/STP-TTTr ngày 06 tháng 8 năm 2021.

3. Duy trì và sử dụng có hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh.

Trên đây là báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN trong 9 tháng đầu 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2023 của Sở Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Ban Nội chính Tỉnh ủy (b/c);
- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở (đ/b);
- Văn phòng Sở;
- Trang TTĐT của Sở (để đ/t);
- Lưu VT, TTr/STP./.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Thắng

BIỂU MẪU

Số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2022 đến ngày tháng 9 năm 2023.
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STP ngày /9/2023 của Sở Tư pháp)

Biểu số: 01/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đôi tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Sở Tư pháp	01	0	0	01	0	01	01	0	0	0	0	0	0	02	0	0	0	0
Tổng	01	0	0	01	0	01	01	0	0	0	0	0	0	02	0	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Thu hồi về ngân sách nhà nước				Xử lý khác về kinh tế				Xử lý hành chính				Chuyển cơ quan điều tra				Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)	
	Tổng số	Trong đó số kết luận được kiểm tra trực tiếp	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tiền (Tr.đ)		Đất (m ²)		Tiền (Tr.đ)		Đất (m ²)		Tổng số phải xử lý		Xử lý trong kỳ		Đã chuyển cơ quan điều tra		Khởi tố trong kỳ		Tổng số kiến nghị phải hoàn thiện	Số kiến nghị đã thực hiện xong
					Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng		
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Sơ Tư pháp	01	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0	02	0	02	0	0	0	0	0	02	02
Tổng	01	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0	02	0	02	0	0	0	0	0	02	02

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền			Đơn không thuộc thẩm quyền					
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
Sở Tư pháp	12	0	0	0	01	11	0	12	12	11	04	02	06	11	01	0	0	0	0	0	0	12	11	01	0	01
Tổng	12	0	0	0	01	11	0	12	12	11	04	02	06	11	01	0	0	0	0	0	0	12	11	01	0	01

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang				Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ				Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung						Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý						Số văn bản phúc đáp nhận được đo chuyên đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền					
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
																														Tổng	
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10=11+15+16 +17=18+...+22= 23+26	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26 = 27+ 28+29	27	28	29	30	
Sở Tư pháp	04	0	0	0	04	04	0	04	04	04	0	0	0	04	0	0	0	04	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng	04	0	0	0	04	04	0	04	04	04	0	0	0	04	0	0	0	04	0	0	0	0	0	0	0	04	04	0	0	0	

Biểu số: 03/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý		Đu điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung										Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn			
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	T ã n g	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền		Vụ việc không thuộc thẩm quyền					
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số		Hư ông dẫn	Chuyển đơn	Đón đốc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+18+...+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+28	27	28	29=30+31+32	30	31	32	
Sơ Tư pháp	02	0	0	0	0	02	0	02	0	02	02	02	02	0	0	0	0	0	0	0	02	0	0	0	0	0	0	0	02	01	01	0	
Tổng	02	0	0	0	0	02	0	02	0	02	02	02	02	0	0	0	0	0	0	0	02	0	0	0	0	0	0	0	02	01	01	0	

Biểu số: 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+16=17+...+19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
Sở Tư pháp	06	0	0	0	01	05	0	06	0	06	06	05	0	0	0	06	05	0	0	0	05	0	0	0
Tổng	06	0	0	0	01	05	0	06	0	06	06	05	0	0	0	06	05	0	0	0	05	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TÓ CÁO

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đi thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khôi tổ		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức				
			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi							Tổ chức		Cá nhân	
									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Sơ Tư pháp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Sơ Tư pháp	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Tổng	0	0	0	0

Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	01 (Văn bản số 89/STP-XDKrT&PBPL ngày 13/01/2023 về hướng dẫn PBGDPL Quý I năm 2023)
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	01 Hội nghị phổ biến pháp luật về dân chủ ở cơ sở trong đó có nội dung liên quan đến phòng, chống tham nhũng trong thực hiện dân chủ ở cơ sở tại huyện Ia H'Drai
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	42 đại biểu là cán bộ, Nhân dân trên địa bàn

6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	10.000 tờ gấp phổ biến pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong phòng, chống tham nhũng; lồng ghép các tin, bài viết về phòng, chống tham nhũng trong biên soạn, phát hành 04 số Thông tin phổ biến pháp luật (4.400 cuốn), 03 số Tập san Tư pháp (2.100 cuốn) theo định kỳ
PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>			
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	01
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>			
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>			
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>			
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>			
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	196
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	Mức độ 3: 32 TTHC; Mức độ 4: 115
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>			
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	20
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai	CQ, TC, ĐV	0

	tài sản, thu nhập		
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	0
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	0
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0

47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ		

XẢY RA THAM NHỮNG			
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
66.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	0
66.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	0
66.3	- <i>Cách chức</i>	Người	0
XỬ LÝ THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	0
68.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	0
68.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	0
68.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	0
68.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	0
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được			
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
74	Đất đai	m ²	0
Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường			

75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	0
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	0
76	Đất đai	m ²	0
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
78	Đất đai	m ²	0
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	0	0	0	0	0
...					

Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHỮNG^(*)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số:	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số: 01/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ				Số lượng biến động trong kỳ		Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ							Vi phạm và kết quả xử lý								
	Tổng số	Trong đó				Tăng		Giảm	Tổng số	Trong đó						Tổng số cá nhân vi phạm	Đã xử lý		Đang và chưa xử lý				
		Số TTV	Số TTV chính	Số TTV và	Khác					Nhu cầu	Đã thực	Thanh tra viên	Thanh tra viên chính	Thanh tra viên cao	Tiếp công dân, KN,		Khác	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự

	mới	bổ sung					kết luận	tra, kiểm tra	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	thực hiện	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Số Tư pháp	0	0	0	0	0	01	01	01	02	0	0	0	01	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	01	01	01	02	0	0	0	01	0	0	0	0

Biểu số: 03/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác TCD, KN, TC			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TCD, KN, TC		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm			Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra trách nhiệm		
	Số văn bản ban hành	Số văn bản được sửa đổi, bổ	Số văn bản hủy bỏ	Số lớp	Số người	Thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC	Số cuộc đã ban hành	Kiến nghị xử lý	Tổng số KLTT thực	Đã xử lý hành chính	Đã khởi tố

